

Bản án số: 77/2024/HS-PT

Ngày: 20/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hà.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Hải Vinh và ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: ông Hoàng T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/5/2024 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu thành phần Trại tạm giam công an tỉnh B xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/TLPT-HS ngày 02/4/2024 đối với Phạm Xuân T1 do có kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Phạm Xuân T1, sinh năm 1979; tên gọi khác: không; nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Hà Thị M; vợ: Lê Thị N; con: có 03 (ba) con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (có mặt).

Trong vụ án còn có 02 bị hại; 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hợp tác xã M3 (HTX) đăng ký thành lập lần đầu ngày 30/6/2009, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất và tiêu thụ mỳ gạo, gồm có các thành viên: Phạm Xuân T1 là Giám đốc HTX; Lê Văn L và Trần Thị T2, đều là phó Giám đốc; Lê Xuân T3 và Nguyễn Văn N1 là Ban kiểm soát; Trần Văn G, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T4 đều là xã viên, tất cả đều trú tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 16/6/2020 đăng ký thay đổi lần 2, các thành viên Hợp tác xã vẫn giữ nguyên như nêu trên và có thêm các thành viên gồm: Hoàng Minh X; Tô Bá K1; Nguyễn Văn M1; Trình Văn B; Nguyễn Văn M2; Trình Văn T5; Trần Thị C; Lê Thị Năng. Trong đó Phạm Xuân T1 giữ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. HTX hoạt động theo điều lệ HTX mỳ Chũ X năm 2014. Tuy nhiên toàn bộ hoạt động của HTX do Phạm Xuân T1 tự quản lý, tự điều hành, tự quyết định và lợi nhuận của HTX do một mình T1 hưởng, các thành viên khác của Hợp tác xã chỉ tham gia HTX M3 để đầy đủ thủ tục pháp lý thành lập HTX, những người này không góp vốn, không tham gia vào bất cứ hoạt động gì của HTX và cũng không hưởng lợi gì từ HTX.

Ngày 15/02/2020, Phạm Xuân T1 - đại diện HTX M3 đã ký hợp đồng hợp đồng số 02/2020/HOASEN-XUANTRUONG với Công ty TNHH H4, địa chỉ: Số A, đường L, phường M, quận N, Thành phố Hải Phòng (là Đại lý của T12) về việc Total Gaz Việt Nam tài trợ hệ thống sản xuất mì chuyên đổi từ củi sang ga và cung ứng gas cho HTX M3. Theo hợp đồng thì công ty TNHH T13 đã cử cán bộ đến lắp đặt hệ thống cấp khí dầu mỏ hóa lỏng cho các hộ gia đình thành viên của HTX M3 gồm hộ: Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị C1, Mạc Thị N2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Đ1, Diệp Văn T6, Lê Thị L2, Trương Văn N3, Nguyễn Văn N4, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn M1 và Trường mầm non xã N; Công ty TNHH H4 thực hiện việc cung ứng khí gas do công ty T12 sản xuất cho các hộ dân trên. Khi lắp đặt hệ thống thì HTX Mỳ chũ Xuân Trường cũng như các hộ dân không phải mất bất cứ chi phí nào, quá trình sử dụng Công ty TNHH T13 cho các hộ dân thuê hệ thống đã lắp đặt với giá 0 đồng, các hộ dân chỉ phải trả chi phí nhiên liệu gas sử dụng hàng tháng cho công ty TNHH H4 thông qua HTX M Chũ X. Đến tháng 3/2020 nhà nước có chương trình hỗ trợ đề án xây dựng và phát triển nông sản hàng hóa đạt tiêu chí cấp tỉnh giai đoạn 2019-2021. Phạm Xuân T1 đã lấy hệ thống cấp khí dầu mỏ hóa lỏng do công ty TNHH T13 lắp miễn phí cho các thành viên HTX để làm hồ sơ tham gia đề án trên với nội dung đầu tư chuyên đổi năng lượng cho máy tráng mỳ từ nhiên liệu truyền thống sang nhiên liệu ga với số tiền đăng ký hỗ trợ là 250.000.000 đồng, số tiền cam kết đối ứng là 281.000.000đ. Ngày 29/6/2020 Sở công thương tỉnh B đã ký hợp đồng số 13/HĐ – SCT hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện đề án xây dựng và phát triển nông sản hàng hóa đạt tiêu chí cấp tỉnh vào năm 2020 với HTX M3. Nội dung: Hỗ trợ kinh phí đầu tư, nâng cấp máy móc, trang thiết bị, công cụ, cụ thể: Hỗ trợ đầu tư thiết bị chuyên đổi năng lượng cho máy tráng mỳ từ nhiên

liệu truyền thống (than, củi) sang nhiên liệu LPG với tổng kinh phí 200.000.000đồng, đối ứng tối thiểu là 200.000.000 đồng. Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản, sau khi hai bên ký thanh quyết toán của đề án theo quy định. Thời gian thực hiện hợp đồng từ thời điểm ký hợp đồng đến 31/12/2020. Để làm hồ sơ, thủ tục quyết toán lấy được số tiền hỗ trợ nêu trên từ **Sở công thương tỉnh B**, do có quen biết với ông **Đặng Đình B1**, sinh năm 1959, trú tại: **Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang** là Giám đốc **HTX C3** nên **T1** đã đặt vấn đề với ông **B1** nhờ ông **B1** lập khống hồ sơ, hợp đồng và xuất khống hóa đơn đối với hệ thống chuyển đổi nhiên liệu mà **công ty TNHH T13** đã lắp nêu trên cho các hộ dân của HTX **Chữ X**. Ông **B1** đồng ý và đã chỉ đạo **Hoàng Thị O**, sinh năm 1980, trú tại: **Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang** là kế toán của **HTX C3** thiết lập hồ sơ, trong đó có: Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT ngày 02/7/2020 nội dung là **HTX C3** nhận thi công lắp đặt thiết bị cải tạo công nghệ lò tráng mỳ sang sử dụng nhiên liệu gas, hệ thống 2*2 cho **HTX M3**, số lượng 10 bộ, đơn giá 40.100.000đ/bộ, thành tiền là 401.000.000đ bao gồm cả tiền thuế, thời gian bắt đầu thực hiện là 02/7/2020 đến ngày 15/10/2020. Tuy nhiên **HTX C3** không thực hiện việc thi công theo hợp đồng. Ngày 15/10/2020 **HTX C3** xuất hóa đơn GTGT số 0079437, nội dung **HTX M3** chuyển khoản số tiền 401.000.000 đồng của hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT ngày 02/7/2020 trả **HTX C3**. Sau đó **T1** đã chuyển số tiền 401.000.000 đồng vào tài khoản của **HTX C3**, ông **B1** chỉ đạo chị **O** rút tiền ra trả lại cho ông **T1** số tiền 364.545.455 đồng, còn lại số tiền 36.454.545 đồng **HTX C3** đã nộp thuế theo quy định. Hồ sơ này **T1** đã nộp về **Sở công thương tỉnh B** để quyết toán. Căn cứ vào hồ sơ nêu trên, ngày 30/11/2020 đoàn công tác của **Sở công thương tỉnh B** đã tiến hành kiểm tra thực tế việc lắp đặt thiết bị chuyển đổi năng lượng từ nhiên liệu truyền thống sang nhiên liệu gas của 10 hộ gia đình gồm: **Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Mạc Thị N2, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn N4, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn M1** theo hồ sơ do **T1** cung cấp nêu trên. Ngày 18/12/2020 **Sở công thương tỉnh B** đã chuyển số tiền hỗ trợ 200.000.000 đồng vào tài khoản của HTX **Chữ X**. Số tiền hỗ trợ 200.000.000 đồng này **T1** khai đã sử dụng vào hoạt động của HTX, cụ thể là nộp thuế giá trị gia tăng của HTX cho **Chi cục thuế L3** vào khoảng cuối năm 2020. Việc **T1** lấy hệ thống chuyển đổi mà **công ty TNHH T13** lắp miễn phí cho các thành viên HTX rồi nhờ **HTX C3** lập khống hồ sơ và xuất hóa đơn khống để **T1** làm hồ sơ nhận 200.000.000 đồng hỗ trợ của **Sở công thương tỉnh B** và việc **T1** sử dụng số tiền 200.000.000 đồng nêu trên thì không được đưa ra bàn bạc, lấy ý kiến trong HTX, các thành viên khác của HTX đều không biết không được tham gia bàn bạc.

Ngày 01/10/2021 **Phạm Xuân T1** tiếp tục đại diện **HTX M3** ký hợp đồng kinh tế số 01102021/HĐKT về việc mua bán 01 (một) bộ máy tráng mỳ với hộ kinh doanh cá nhân của ông **Phạm Văn N5**, sinh năm 1974, trú tại **tổ dân phố L,**

thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang, với giá 210.000.000 đồng (trong hợp đồng không thể hiện cụ thể từng bộ phận, vật tư của bộ máy tráng mỳ cụ thể gồm những gì). Cùng thời điểm này, T1 thuê ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1973, trú tại thôn C, xã N, huyện L trực tiếp làm, thi công lắp đặt một số bộ phận của máy tráng mỳ nêu trên với giá 70.368.000 đồng. Sau đó T1 dùng tiền cá nhân của T1, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho ông N5 đầy đủ số tiền theo hợp đồng nêu trên là 210.000.000 đồng, nhận được tiền do Trường chuyển khoản, ông N5 đã chuyển trả lại bằng tiền mặt cho T1 số tiền khoảng 100.000.000 đồng để T1 mua nồi hơi (lò hơi), thanh toán tiền vật tư và tiền công cho ông T8. Mặc dù ông N5 chỉ thi công một phần trong bộ máy tráng mỳ với giá khoảng 100.000.000 nhưng ngày 16/12/2021 ông N5 vẫn xuất hóa đơn bán bộ máy tráng mỳ cho HTX M3 với giá 210.000.000 đồng.

Khoảng giữa tháng 10/2021, T1 kêu gọi được các cổ đông mới tại Hà Nội về góp vốn đầu tư vào HTX, đại diện là bà Phạm Bích N6, sinh năm 1977, trú tại: số nhà C, đường H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội và 07 (bảy) người khác đều trú tại Thành phố Hà Nội. Cuối tháng 10/2021 thì HTX mỳ Chũ tái cơ cấu, bà N6 là Chủ tịch HĐQT; thuê ông Nguyễn Trung T9, sinh năm 1983, trú tại phường T, quận H, Thành phố Hà Nội làm Giám đốc HTX; còn Phạm Xuân T1 làm Phó Giám đốc. Ngày 05/11/2021 Phạm Xuân T1 đại diện HTX M3 ký hợp đồng số 18/HĐ-TT về việc hỗ trợ Đề án khuyến công năm 2021 với Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B, địa chỉ tại: Đường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, nội dung HTX mỳ Chũ X được hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồng từ ngân sách Nhà nước cho ứng dụng máy móc thiết bị trong sản xuất mỳ gạo, đầu tư 01 máy tráng mỳ sử dụng năng lượng gas, chính là bộ máy tráng mỳ nêu trên. Ngày 29/12/2021 Trung tâm khuyến công tỉnh B đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho HTX M3, sau khi nhận được số tiền này thì T1 đã bỏ ra thêm số tiền 224.000.000 đồng để đóng tổng số tiền 320.672.182 đồng trả nợ thuế VAT quý 3/2021 (của tháng 7-8-9/2021) của HTX. Thời điểm này các cổ đông mới tại Hà Nội chưa tham gia HTX, mọi hoạt động thu, chi của HTX vẫn do một mình T1 quyết định, số tiền nợ thuế nêu trên do một mình T1 có trách nhiệm chi trả. Vào thời điểm T1 ký kết hợp đồng với Trung tâm khuyến công để nhận số tiền 100.000.000 đồng là thời điểm bàn giao HTX với các thành viên mới, bà N6 lúc này là Chủ tịch HĐQT còn ông T9 là Giám đốc nhưng không biết về việc ký kết hợp đồng nêu trên. Khi thay đổi cơ cấu, T1 đã nhận bộ máy tráng mỳ nêu trên là tài sản cá nhân, tính vào vốn góp trong HTX mới.

Trong quá trình hoạt động của HTX, khi phát hiện có những sai phạm trên, ngày 05/01/2023 ông Nguyễn Trung T9 đã có đơn tố cáo Phạm Xuân T1 gửi đến Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh B, kèm theo đơn tố cáo là các tài liệu có liên quan. Ngày 16/01/2023 Phòng C chuyển đơn và toàn bộ tài liệu kèm theo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 18/7 và 20/7/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành khám xét chỗ ở, nơi làm việc và các vùng phụ cận của Phạm Xuân T1 tại thôn T, xã N, huyện L, kết quả khám xét: thu giữ 01 (một) thùng carton, bên ngoài có chữ “Mỳ gạo Chũ Năng Trường”, bên trong chứa các tài liệu có liên quan của HTX M3; tổng số tiền 73.600.000 đồng.

Ngày 22/6/2023 Chi nhánh ngân hàng Agribank huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tài liệu thể hiện thông tin chủ tài khoản, sao kê lịch sử giao dịch từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021 của tài khoản số 2504201001439 mang tên HTX mỳ Chũ X.

Ngày 24/02/2023 ông Đặng Đình B1 đã giao nộp các tài liệu có liên quan, gồm: Giấy chứng nhận đăng ký; Danh sách thành viên HTX C3; Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT; BB thanh lý hợp đồng; BB bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng; Ủy nhiệm chi; Hóa đơn GTGT; Danh sách thành viên được nhận lắp đặt.

Ngày 17/3/2023 Sở Công Thương tỉnh B đã cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn toàn bộ hồ sơ gốc liên quan đến việc ký kết, thực hiện và thanh toán hợp đồng số 13/HĐ-SCT ngày 29/6/2020 giữa Sở C và HTX mỳ Chũ X.

Cùng ngày 17/3/2023 Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B (Trung tâm khuyến công) đã cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L toàn bộ hồ sơ, tài liệu gốc liên quan đến hợp đồng số 18/HĐ-TT ngày 05/11/2021 giữa Trung tâm khuyến công và HTX M3 về việc hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồng cấp cho HTX M3.

Ngày 13/6/2023 Chi cục thuế khu vực L3 – S đã cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L các chứng từ nộp thuế của HTX M3 trong khoảng thời gian năm 2020-2022 để phục vụ việc giải quyết vụ án.

Ngày 24/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 111 về chữ ký và con dấu đối với các tài liệu do Sở Công Thương tỉnh B cung cấp, gồm: Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT, biên bản bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng, danh sách các thành viên được nhận lắp đặt thiết bị, biên bản thanh lý hợp đồng, báo giá. Tại bản Kết luận giám định số 616 ngày 07/4/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận:

“- Hình dấu tròn có nội dung "Hợp tác xã mỳ chũ Xuân Trường" dưới các mục "Đại diện bên A", "Đại diện bên nhận" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "HTX C3" dưới các mục "Đại diện bên B", "Đại diện bên giao", "T/M HTX Cơ khí L - Giám đốc" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M11) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu chức danh có nội dung "Chủ tịch HĐQT - Giám đốc - Đặng Đình B1" dưới các mục "Đại diện bên B", "Đại diện bên giao", "T/M HTX Cơ

khí Lạng Giang" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M11) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên **Phạm Xuân T1** dưới các mục "Đại diện bên A", "Đại diện bên nhận" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký của **Phạm Xuân T1** trên tài liệu mẫu (ký hiệu M13) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên **Đặng Đình B1** dưới các mục "Đại diện bên B", "Đại diện bên giao", "T/M HTX Cơ khí L - Giám đốc" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với chữ ký của **Đặng Đình B1** trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M11, M12) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dạng chữ viết có nội dung "H1" tại cột "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Văn H1** trên tài liệu mẫu (ký hiệu M5) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dạng chữ viết có nội dung "D" tại cột "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Văn D** trên tài liệu mẫu (ký hiệu M6) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dạng chữ viết có nội dung "Đợi" tại cột "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Văn Đ** trên tài liệu mẫu (ký hiệu M7) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dạng chữ viết có nội dung "Nghiêm" tại cột "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của **Mạc Thị N7** trên tài liệu mẫu ký hiệu M10) là không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dạng chữ viết có nội dung "Lý" tại cột "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Văn L1** trên tài liệu mẫu (ký hiệu M2) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dạng chữ viết có nội dung "Ngân" tại cột "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Văn N4** trên tài liệu mẫu (ký hiệu M9) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dạng chữ viết có nội dung "Dương" tại cột "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Văn D1** trên tài liệu mẫu (ký hiệu M8) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dạng chữ viết có nội dung "Tĩnh" tại cột "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Văn T7** trên tài liệu mẫu (ký hiệu M4) là do cùng một người ký ra.

- **Phòng K2** không kết luận giám định chữ ký dạng chữ viết có nội dung "Mạnh" tại cột "Ký tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Văn M1** trên tài liệu mẫu (ký hiệu M3) do mẫu cần giám định có số lượng ít, xuất hiện các đặc điểm giống nhau, khác nhau không giải thích được."

Ngày 11/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra yêu cầu định giá tài sản số 151 đối với bộ máy tráng mỳ, có đặc điểm nêu trên. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 145 ngày 23/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 01 (một) bộ máy tráng mỳ tại thời điểm định giá tháng 11/2021 có giá trị 188.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện của Sở công thương tỉnh B và Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt để trả lại cho ngân sách Nhà nước.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 12/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Phạm Xuân Trường về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

* Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

- Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T1 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/7/2023.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Xuân T1 phải bồi thường cho Sở công thương tỉnh B số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), được trừ vào số tiền 200 triệu đồng bị cáo đã nộp, chuyển kèm theo Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-VKS-LN ngày 12/12/2023 theo biên lai thu số 0002602 ngày 15/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn L3, tỉnh Bắc Giang;

Bị cáo Phạm Xuân T1 phải bồi thường cho Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), được trừ vào số tiền 50 triệu đồng đã nộp tại các biên lai thu số 0002658 ngày 22/12/2023; thu số 0002700 ngày 28/02/2024; thu số 0002699 ngày 28/02/2024. Bị cáo Phạm Xuân T1 phải tiếp tục bồi thường cho Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 07/3/2024, bị cáo Phạm Xuân T1 kháng cáo. Nội dung kháng cáo: án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 05 năm tù là cao. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

* Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo **Phạm Xuân T1** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: bị cáo xác định án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên, án sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù là nặng.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động tới gia đình nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung, tiền bồi thường trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm; phiếu thu ngày 21/3/2021 của **ban Q** về việc bị cáo nộp tiền ủng hộ phòng chống dịch covid 200 kg gạo; phiếu thu ngày 03/6/2021 của **thôn T** về việc bị cáo ủng hộ các nhu yếu phẩm trị giá 3.200.000đồng cho việc phòng chống covid; phiếu thu ngày 17/4/2022 của **thôn T** về việc bị cáo ủng hộ mì tôm, mì chũ và nước tăng lực trị giá 2.740.000đồng cho chiến dịch phòng chống covid; phiếu thu ngày 29/6/2022 của **Ban Q**, Lục ngân về việc bị cáo ủng hộ chiến dịch phòng chống covid 19 **thôn T** gồm mua nước uống, nước ngọt, mì chũ, mì tôm, rau xanh trị giá 1.980.000đồng; xác nhận tiếp tục xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của **Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B** tiếp tục xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có bà nội là bà **Phạm Thị H3** được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất; ông ngoại bị cáo là ông **Hà Đình D2** được tặng thưởng huy chương chống Mỹ hạng ba; bị cáo có bà ngoại là và **Ngô Thị T10** được truy tặng danh hiệu đã có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc; năm 2018 bị cáo được **Ủy ban nhân dân xã N, huyện L** tặng giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác đoàn, hội và phong trào TTN năm 2018; bị cáo có thời gian tham gia quân đội và được chứng nhận danh hiệu chiến sỹ giỏi năm 2000. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã kết luận và đề nghị HĐXX: căn cứ điểm b khoản 1, Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Phạm Xuân T1**, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 và khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: bị cáo **Phạm Xuân T1** 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/7/2023.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Xác nhận bị cáo đã nộp xong tiền phạt bổ sung số tiền 20.000.000đồng; án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; xác nhận bị cáo đã nộp xong số tiền 50 triệu đồng bồi thường trách nhiệm dân sự cho Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn L3.

Án phí: do kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T1 được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo tranh luận: đề nghị Hội đồng xử giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đối đáp của đại diện Viện kiểm sát: bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, số tiền chiếm đoạt 300.000.000đồng nên không có căn cứ cho bị cáo được hưởng án treo, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo đã được làm trong thời hạn quy định của pháp luật theo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi của bị cáo: lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Tháng 7/2020, Phạm Xuân T1 sử dụng danh nghĩa Hợp tác xã mỳ Chũ Xuân Trường để lập khống hồ sơ, hóa đơn, chứng từ xin hỗ trợ kinh phí cho Hợp tác xã theo Đ3 hàng hóa đạt tiêu chí cấp tỉnh, giai đoạn 2019-2021, từ Sở Công Thương tỉnh B để chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng. Đến khoảng cuối tháng 10, đầu tháng 11/2021 T1 tiếp tục lập khống hóa đơn, chứng từ, hồ sơ xin hỗ trợ kinh phí cho Hợp tác xã theo Đề án khuyến công năm 2021 từ Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt nêu trên, T1 đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Hành vi của bị cáo xâm phạm tới đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Bản án sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 28/02/2024 của

Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

[3.1] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nhân thân: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: do bị cáo hai lần nhận tiền của bị hại và trị giá tài sản những lần bị cáo chiếm đoạt của các bị hại đều trên 2 triệu đồng, đủ định lượng cấu thành tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nên bị cáo chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội từ hai lần trở” lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường phần lớn thiệt hại; trong quá trình lao động, sản xuất tại địa phương bị cáo đã có nhiều thành tích xuất sắc, năm 2014 bị cáo được **Tỉnh đoàn B2** tặng Bằng khen đã có thành tích tiêu biểu trong tham gia phát triển kinh tế; Ngoài ra, vào năm 2010 bị cáo được **Tỉnh đoàn B2** tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện đề án về phát huy vai trò của thanh niên tham gia phát triển kinh tế; bị cáo được bằng chứng nhận đạt giải thưởng **Lương Đình C2** của Trung ương **đoàn thanh niên công sản Hồ chí M4**. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đã xử phạt bị cáo **Phạm Xuân T1** 05 (năm) năm tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3.2]. Bị cáo **Phạm Xuân T1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **T1** và gia đình cung cấp tài liệu chứng cứ mới gồm: sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động tới gia đình nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung, tiền bồi thường trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm; phiếu thu ngày 21/3/2021 của **ban Q** về việc bị cáo nộp tiền ủng hộ phòng chống dịch covid 200 kg gạo; phiếu thu ngày 03/6/2021 của **thôn T** về việc bị cáo ủng hộ các nhu yếu phẩm trị giá 3.200.000đồng cho việc phòng chống covid; phiếu thu ngày 17/4/2022 của **thôn T** về việc bị cáo ủng hộ mỳ tôm, mỳ chũ và nước tăng lực trị giá 2.740.000đồng cho chiến dịch phòng chống covid; phiếu thu ngày 29/6/2022 của **Ban Q, L** về việc bị cáo ủng hộ chiến dịch phòng chống covid 19 **thôn T** gồm mua nước uống, nước ngọt, mỳ chũ, mỳ tôm, rau xanh trị giá 1.980.000đồng; xác nhận xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của **Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B** tiếp tục xin giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự cho bị cáo; bị cáo có bà nội là bà **Phạm Thị H3** được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất; ông ngoại bị cáo là ông **Hà Đình D2** được tặng thưởng huy chương chống Mỹ hạng ba; bà ngoại bị cáo là bà **Ngô Thị T10** được truy tặng danh hiệu đã có nhiều công hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc; năm 2018 bị cáo được Ủy ban nhân dân **xã N, huyện L** tặng giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác đoàn, hội và phong trào TN năm 2018; bị cáo có thời gian tham gia quân đội và được chứng nhận danh hiệu chiến sỹ giỏi năm 2000. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét cho bị cáo ở cấp phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần, số tiền chiếm đoạt 300.000.000 đồng nên bị cáo không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4]. Những vấn đề khác: quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận được đơn kiến nghị của Luật sư **Nguyễn Anh T11**, luật sư **Nguyễn Quang V** là các luật sư thuộc **công ty L4** về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn; yêu cầu điều tra lại làm rõ các hành vi vi phạm pháp luật của **Phạm Xuân T1** theo nội dung tố cáo của anh **Nguyễn Trung T9** và **Trần Xuân Đ2**; làm rõ thiệt hại kinh tế của **Hợp tác xã M3** làm căn cứ yêu cầu **Phạm Xuân T1** bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: ông **Nguyễn Trung T9** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; kiến nghị của các Luật sư vượt quá phạm vi kháng cáo của người có quyền có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện của họ có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều khoản 4 Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự), nội dung kiến nghị không liên quan đến nội dung kháng cáo của bị cáo và việc giải quyết vụ án của cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu có căn cứ về các nội dung như đã kiến nghị các Luật sư có quyền làm đơn đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[6]. Do bị cáo đang bị tạm giam, để đảm bảo cho việc thi hành án, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo là phù hợp với Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Phạm Xuân T1**; sửa bản án sơ thẩm, xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 và khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: bị cáo **Phạm Xuân T1** 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/7/2023.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Xác nhận bị cáo đã nộp xong số tiền phạt 20.000.000đồng theo biên lai số 0002789 ngày 23/4/2024 tại **Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục NgạnL3**.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo **Phạm Xuân T1** phải bồi thường cho **Sở công thương tỉnh B** số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), được trừ vào số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) bị cáo đã nộp, chuyển kèm theo Quyết định chuyên vật chứng số 01/QĐ-VKS-LN ngày 12/12/2023 theo biên lai thu số 0002602 ngày 15/12/2023 tại **Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục NgạnL3**, tỉnh Bắc Giang.

Buộc bị cáo **Phạm Xuân T1** phải bồi thường cho **Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B** 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), được trừ vào số tiền 50 triệu đồng đã nộp tại các biên lai thu số 0002658 ngày 22/12/2023; biên lai số 0002700 ngày 28/02/2024; biên lai số 0002699 ngày 28/02/2024. Bị cáo **Phạm Xuân T1** phải tiếp tục bồi thường cho **Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh B** số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Xác nhận tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp xong số tiền 50.000.000đồng cho Trung tâm K theo biên lai số 0002602 ngày 15/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục NgạnL3, tỉnh Bắc Giang.

3. Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xác nhận bị cáo đã nộp xong tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm theo biên lai số 0002602 ngày 15/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục NgạnL3, tỉnh Bắc Giang.

- Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- CA, VKS, TA huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

